

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày 22/02/2019
“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mười Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-DS ngày 23/01/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Đường N, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Đặng Thanh H. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T.

(Văn bản ủy quyền số 3902/2017/GUQ-PL ngày 14/12/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Công N. Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro; có mặt.

(Giấy ủy quyền số 158/2018/GUQ-CNLTT ngày 02/5/2018)

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thu T.

Địa chỉ: Đường S, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H B.

Địa chỉ: Buôn K, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
(Bà H B có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Hữu K.

Địa chỉ: Thôn S, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Vũ Công N trình bày:

Ngày 08/03/2018, bà Trịnh Thu T và ông Nguyễn Hữu D (đã chết vào ngày 05/4/2018) ký Hợp đồng tín dụng số LD1806600863 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Thời hạn trả nợ: Tiền lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 08, vốn gốc trả vào ngày 08/03/2019. Lãi suất 06 tháng đầu tiên là 9.8 %/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 07 kể từ ngày nhận nợ, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 3.8%/năm, và được Ngân hàng TMCP S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp để bảo đảm trả nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 627226, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/07/2017, mang tên bà Trịnh Thu T; thửa đất số 110, tờ bản đồ số 57 tại phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 076/2018/HĐTC ngày 08/03/2018, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Khi đến hạn trả nợ lãi theo hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà Trịnh Thu T và ông Nguyễn Hữu D không trả cho Ngân hàng. Ngày 05/4/2018, ông Nguyễn Hữu D chết. Từ đó, Ngân hàng cũng không thể liên lạc được với bà T để giải quyết khoản nợ.

Hiện nay, bà Trịnh Thu T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ là 1.015.089.756 đồng; trong đó, nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.035.616 đồng, lãi quá hạn 54.140 đồng (tạm tính đến ngày 02/5/2018) và lãi phát sinh từ ngày 03/5/2018.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thu T phải trả toàn bộ số tiền nợ trên và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03/5/2018 cho đến khi trả hết nợ theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

Nếu bà Trịnh Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trịnh Thu T và ông Nguyễn Hữu D đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số số: 076/2018/HĐTC ngày 08/03/2018 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Bị đơn, bà Trịnh Thu T: Tại biên bản xác minh ngày 21/5/2018, xác định: Bà Trịnh Thu T có hộ khẩu thường trú tại số 17 Trương Hán Siêu, phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, nhưng bà T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú.

Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bà T không đến Toà án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hữu K: Ông Nguyễn Hữu K là bố đẻ của ông Nguyễn Hữu D. Ông K có hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại thôn Sơn Lộc 1, xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, nhưng ông Khánh thường vắng nhà trong giờ hành chính.

Vì vậy, Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông K không đến Toà án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà H B trình bày:

Bà H B là người chuyển nhượng thửa đất số 110, tờ bản đồ số 57 tại phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cho bà Trịnh Thu T và ông Nguyễn Hữu D vào tháng 7 năm 2017 và hiện nay bà H Bồn Byă đang canh tác (trồng lúa) trên thửa đất. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng đất giữa bà H B và bà T, ông D đã hoàn thành, các bên đã hoàn tất các nghĩa vụ với nhau, đồng thời, việc bà H B mượn lại đất để trồng lúa bà H B cũng đã xác định sẽ trả lại đất cho bà T, ông D bất cứ lúc nào. Vì vậy, nay Ngân hàng khởi kiện bà T trả nợ thì bà H B không có ý kiến và yêu cầu gì, sẽ trả lại đất để Ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người liên quan (ông Nguyễn Hữu K) cố tình vắng mặt và không thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trịnh Thu T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn, bà Trịnh Thu T có hộ khẩu thường trú tại số 17 Trương Hán Siêu, phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, nhưng bà T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Người liên quan, ông Nguyễn Hữu K có hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại thôn Sơn Lộc 1, xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, nhưng ông K thường vắng nhà trong giờ hành chính.

Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định để bà T, ông K đến Toà án tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng bà T, ông K vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà T, ông K.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy: Việc vay tiền giữa bà Trịnh Thu T và ông Nguyễn Hữu D với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T là có thật. Được thể hiện bằng Hợp đồng tín dụng số LD1806600863 ngày 08/3/2018. Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; mục đích vay: Đầu tư sản xuất nông nghiệp; thời hạn trả nợ: Tiền lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 08, vốn gốc trả vào ngày 08/03/2019; lãi suất 06 tháng đầu tiên là 9.8 %/năm, sau đó điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP S; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

Để bảo đảm tiền vay, bà T, ông D đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 076/2018/HĐTC ngày 08/03/2018. Hợp đồng thế chấp cũng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức tuân thủ các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; đồng thời đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Tài sản thế chấp cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 627226, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 57, diện tích 2.231,5m², do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/07/2017, mang tên bà Trịnh Thu T; tại phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Khi đến hạn trả nợ lãi theo hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà Trịnh Thu T và ông Nguyễn Hữu D không trả cho Ngân hàng. Ngày 05/4/2018, ông Nguyễn Hữu D chết. Từ đó đến nay, Ngân hàng cũng không thể liên lạc được với bà T để giải quyết khoản nợ.

Hiện nay, bà Trịnh Thu T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ là 1.015.089.756 đồng; trong đó, nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.035.616 đồng, lãi quá hạn 54.140 đồng (tạm tính đến ngày 02/5/2018) và lãi phát sinh từ ngày 03/5/2018.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bà T đã vi phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Phụ lục các điều khoản chung đính kèm Hợp đồng tín dụng; điểm a, c khoản 1 Điều 6 Hợp đồng thế chấp; Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Trịnh Thu T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên và lãi suất phát sinh từ ngày 03/5/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận.

- Sau khi bà Trịnh Thu T trả hết nợ, Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 627226, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/07/2017, mang tên bà Trịnh Thu T.

- Trong trường hợp bà Trịnh Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trịnh Thu T, ông Nguyễn Hữu D đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 076/2018/HĐTC ngày 08/03/2018 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Trịnh Thu T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo biên lai thu số 12 ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột (và đã chi phí xong) nên bà Trịnh Thu T phải hoàn trả Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trịnh Thu T phải chịu 42.450.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí do bà Trần Quốc Anh T đã nộp thay là 21.202.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0003744 ngày 11/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 144; Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Trịnh Thu T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ là 1.015.089.756 đồng; trong đó, nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.035.616 đồng, lãi quá hạn 54.140 đồng (tạm tính đến ngày 02/5/2018). Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03/5/2018 cho đến khi bà T trả hết nợ theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

- Sau khi bà Trịnh Thu T trả hết nợ, Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 627226, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/07/2017, mang tên bà Trịnh Thu T.

- Trong trường hợp bà Trịnh Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trịnh Thu T, ông Nguyễn Hữu D đã thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 076/2018/HĐTC ngày 08/03/2018 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trịnh Thu T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 1.000.000 đồng (và đã chi phí xong).

[3] Về án phí: Bà Trịnh Thu T phải chịu 42.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí do bà Trần Quốc Anh T đã nộp thay là 21.202.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0003744 ngày 11/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHAN ĐÌNH HẢI